

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 2- CTCP
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Theo địa điểm đầu tư các dự án tại mục I.1.4 Chương V của E-HSMT.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và đóng dấu.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không áp dụng
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không áp dụng
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng và thu hồi tạm ứng</p> <p>(i) Tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được các hồ sơ sau: + Giấy đề nghị tạm ứng. + Bảo lãnh tạm ứng: theo mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận, có giá trị bằng với giá trị tạm ứng và thời hạn đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tạm ứng. Nhà thầu có trách nhiệm gia hạn bảo lãnh tạm ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư đến khi đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tạm ứng, nếu Nhà thầu từ chối hoặc chậm thực hiện gia hạn, Chủ đầu tư có quyền thu hồi bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>(ii) Thu hồi tạm ứng: Trong mỗi đợt thanh toán, Chủ đầu tư sẽ khấu trừ dần giá trị đã tạm ứng theo nguyên tắc: Số vốn thu hồi bằng số vốn thanh toán nhân với tỉ lệ 25% và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá trị Hợp đồng.</p> <p>10.2. Thanh toán</p>

	<p>- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <p>- Đồng tiền thanh toán: VND.</p> <p>- Thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành: Mỗi đợt thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị để chờ quyết toán và thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành trong vòng 14 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được các hồ sơ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thanh toán của bên B (01 bản); + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có xác nhận của bên A và của bên B (07 bộ); + Phiếu thanh toán theo mẫu của bên A (07 bộ); + Hóa đơn giá trị gia tăng (01 bản gốc). <p>- Thanh toán giá trị giữ lại: 05% giá trị giữ lại Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày kể từ ngày hai bên ký hồ sơ quyết toán A-B và được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Hồ sơ quyết toán A-B do Nhà thầu lập theo mẫu của Chủ đầu tư quy định và phù hợp với quy định hiện hành.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ ngày
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 cho loại hợp đồng tư vấn trọn gói.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT].</i>
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức : 0,5% giá trị phần công việc bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo</p>

	<p>hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Ngoài mức phạt vi phạm hợp đồng theo mục 1 nêu trên, bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan đối với những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng của nhà thầu gây ra cho Chủ đầu tư. Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Chủ đầu tư phải chịu do nhà thầu gây ra và khoản lợi trực tiếp mà Chủ đầu tư đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.</p>
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>Đại diện Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Đại diện Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:</p> <p>a) Nhà thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư.</p> <p>b) Nhà thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc năm mươi sáu (56) ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được phép của Chủ đầu tư.</p> <p>c) Nhà thầu vi phạm hợp đồng đạt đến mức phạt tối đa theo quy định tại điểm 1 E-ĐKCT 17, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.</p> <p>d) Không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT.</p> <p>e) Nhân sự thay thế nhân sự chủ chốt không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc tốt hơn nhân</p>

	sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT.
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Đại diện chủ đầu tư tối thiểu là 03 ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chủ đầu tư bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Nhà thầu.</p> <p>b) Sau năm mươi sáu (56) ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của Chủ đầu tư, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> <p>c) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu sau năm mươi sáu (56) ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.</p> <p>Trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.</p> <p>Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp</p>

	<p>thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.</p> <p>2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trong trường hợp không thể hòa giải hoặc hoà giải không có kết quả thì mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án Nhân dân Khu vực III, thành phố Đà Nẵng.</p> <p>3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.</p>
<p>E-DKC 23.1</p>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của đại diện Chủ đầu tư: Ban QLDA EVNGENCO2 <ul style="list-style-type: none"> ▪ Địa chỉ: Số 143 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. ▪ Điện thoại: 0236.2816.080 - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____